

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm: 1987.

ĐKKHKT: Khu 7, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987;

ĐKKHKT: Khu 7, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 18/9/2012, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Đ), việc kết hôn là tự nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong suy nghĩ và lối sống. Anh và chị H ly thân kể từ cuối năm 2014 đến nay. Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh A xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Uy, sinh ngày 19/02/2013, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Uy, không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng

anh. Do chị H không quan tâm đến chồng, con và không có trách nhiệm với con kể từ khi cháu Uy được 10 tháng tuổi cho đến nay. Cháu hiện ở với anh được anh chăm sóc, nuôi dưỡng khỏe mạnh và cho đi học đầy đủ.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh A xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị H đến làm việc và thông báo cho chị H đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên chị H đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã niêm yết công khai và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Trong biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Đức Thông và bà Trần Thị Liên là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H; ông Thông, bà Liên trình bày:

Chị Nguyễn Thị H là con đẻ của ông bà, Anh A và chị H kết hôn với nhau vào năm 2012, sau khi kết hôn, hai vợ chồng Anh A, chị H không chung sống cùng ông bà mà về chung sống tại xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, sau khi chung sống anh chị có mâu thuẫn với nhau do tính tình không hợp nhau, sau đó chị H bỏ đi không ở cùng với Anh A và cũng không về ở với ông bà, thì thoảng chị H có gọi điện thoại về nhà cho ông bà, chúng tôi có nói việc Anh A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị H cho biết, chị H không về được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, còn địa chỉ và nơi sinh sống không cho ông bà biết. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của Anh A, chị H theo quy định và gửi bản án hoặc quyết định cho gia đình bà được biết.

*Tại biên bản lấy lời khai của bà Dương Thị Tiên là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn A; bà Tiên trình bày:

Anh A kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Đ). Sau khi kết hôn, Anh A và chị H chung sống với nhau và sống chung nhà với bà được một thời gian ngắn thì giữa Anh A, chị H có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H để ở. Thời điểm chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì cháu Nguyễn Quốc Uy (con của Anh A, chị H) lúc đó mới được 11 tháng tuổi. Anh A, chị H ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên chị H vẫn đăng ký Hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã Đ, huyện Thanh Thủy (Chung hộ với bà). Anh A và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Uy, sinh ngày 19/02/2013. Hiện ở cùng Anh A và ở chung với bà. Cháu Uy được Anh A nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi 11 tháng tuổi đến nay, được Anh A cho đi học và học tập tốt, sức khỏe tốt. Bà cũng thường xuyên đỡ dằn Anh A trông nom cháu Uy. Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh A và chị H không có gì chung về tài sản, công nợ. Bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho Anh A, chị H. Giao cháu Nguyễn Quốc Uy cho Anh A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Uy trưởng thành.

*Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Quốc Uy là con chung của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị H; cháu Uy trình bày:

Cháu sinh ngày 19/02/2013, hiện cháu đang học lớp 2A, trường Tiểu học N, cháu học tập và có sức khỏe tốt. Cháu được bố Nguyễn Văn A chăm sóc và dành tình cảm yêu thương, nguyện vọng của cháu là được ở với bố Nguyễn Văn A nếu bố mẹ cháu ly hôn.

*Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, xác định: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 18/9/2012 tại UBND xã N, huyện Thanh Thủy (nay là xã Đ). Vợ chồng Anh A, chị H đã có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Uy, sinh ngày 19/02/2013. Anh A, chị H và cháu Uy đều đăng ký hộ khẩu tại: Khu 7, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (chung hộ khẩu trong hộ bà Dương Thị Tiến, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn A). Quá trình vợ chồng chung sống giữa Anh A và chị H sau khi đăng ký kết hôn: Ban đầu thì hòa hợp nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay, Anh A và chị H đang sống ly thân, chị H hiện ở đâu, chính quyền địa phương không rõ còn cháu Uy hiện đang ở cùng Anh A và được Anh A chăm sóc, nuôi dưỡng. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:*

-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Anh A, xử cho Anh A được ly hôn chị H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc Uy cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Uy thành niên; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị H về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị H đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, niêm yết văn bản tố tụng cho chị H theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh A kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 18/9/2012, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND N, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Đ). Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh A, chị H đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng

nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống. Nay Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Anh A, xử cho Anh A được ly hôn chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh A, chị H có một con chung là cháu Nguyễn Quốc Uy, sinh ngày 19/02/2013, hiện đang ở cùng Anh A. Anh A đề nghị, khi ly hôn anh xin được nuôi cháu Uy. Xét thấy đề nghị của Anh A là chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử cần giao cho Anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Uy đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh A.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh A không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc Uy, sinh ngày 19/02/2013 cho anh Nguyễn Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 08/01/2021 cho đến khi cháu Uy thành niên.

Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh A và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000637 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng